

Số: 432 /TM-VDD

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2024

**THƯ MỜI BÁO GIÁ**  
**Về việc cung cấp báo giá hóa chất, vật tư tiêu hao xét nghiệm**

Kính gửi: Quý công ty, đơn vị cung cấp hóa chất, vật tư tiêu hao xét nghiệm

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23/06/2023;

Căn cứ vào nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ vào Kế hoạch số 100 ngày 16/10/2024 của Viện Dinh dưỡng về việc mua sắm hàng hóa dịch vụ;

Viện Dinh dưỡng xin thông báo đến Quý Công ty có đủ điều kiện và năng lực tham gia báo giá, chào giá cạnh tranh hóa chất và vật tư tiêu hao xét nghiệm cho hoạt động Khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ viên chức Viện Dinh dưỡng năm 2024

Mục đích báo giá: Làm cơ sở để lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa dịch vụ đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và giá phù hợp.

Danh mục hàng hóa/Dịch vụ báo giá: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Hình thức báo giá: 01 bản cứng và bản mềm scan PDF (Đã đóng dấu theo đúng quy định và gửi qua Email).

Thời gian gửi báo giá: Trước 13 giờ 00 ngày 24 tháng 10 năm 2024

Địa điểm giao hàng: Viện Dinh dưỡng 48B Tầng Bạt Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm giá hàng hóa/dịch vụ và thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển... theo quy định của pháp luật, Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm. Báo giá ghi rõ thời gian đảm bảo cung cấp hàng hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật. Báo giá bằng tiền đồng Việt Nam.

Thông tin xin gửi về: Phòng Vật tư - Quản trị, Viện Dinh dưỡng. Địa chỉ: 48B Tầng Bạt Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 0243 9717090 ; Email: vattuquantri.ninvn@gmail.com.

**Nơi nhận:**

- Website của Viện Dinh dưỡng (để công khai);
- Lưu: VT,VTQT.

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN  
DINH DƯỠNG  
Trần Thanh Dương

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ TIÊU HAO YÊU CẦU BÁO GIÁ**  
(Kèm theo TMBG số 432/TMBG-VDD ngày 22 tháng 10 năm 2024)

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Dự kiến thời gian giao hàng
I	<b>HOÁ CHẤT HUYẾT HỌC</b>				
1	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng; Màu: không; Mùi: không; Độ pH: 7,35 đến 7,55; Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Sodium chloride 0,44%, Sodium sulphate anhydrous 0,97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C. Độ ổn định sau khi mở nắp: 45 ngày Quy cách đóng gói: 18 lít /can hoặc tương đương.	Can	1	Tháng 11/2024
2	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng; Màu: xanh dương; Mùi: nhẹ; Độ pH: 8,0 đến 8,6; Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0,069% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 80 ngày. Quy cách đóng gói: 2 lít/can hoặc tương đương.	Can	1	Tháng 11/2024
3	Mẫu kiểm soát dùng cho máy phân tích huyết học dùng để nội kiểm mức thường	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng; Màu: đỏ sẫm; Độ pH: trung tính; Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú. Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C. Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày. Quy cách đóng gói: 3 ml/lọ hoặc tương đương.	Lọ	1	Tháng 11/2024

II	HOÁ CHẤT HOÁ SINH				
1	Hoá chất định lượng Glucose	<p>Hóa chất định lượng Glucose.  Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6+I3:I5) 24 mmol/L; ATP <math>\geq</math> 2 mmol/L; NAD<sup>+</sup> <math>\geq</math> 1,32 mmol/L; Mg<sup>2+</sup> 2,37 mmol/L; Hexokinase <math>\geq</math> 0,59 kU/L; G6P-DH <math>\geq</math> 1,58 kU/L; Độ lặp lại: CV <math>\leq</math> 2,5%; Độ chụm toàn phần: CV <math>\leq</math> 4,3%; Bước sóng: 340 nm. Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method). Qui cách đóng gói: 150 ml/Hộp hoặc tương đương</p>	Hộp	0,25	Tháng 11/2024
2	Hoá chất định lượng Triglycerid	<p>Hóa chất định lượng Triglycerid.  Thành phần: PIPES buffer (pH 7.5) 50 mmol/L; Mg<sup>2+</sup> 4.6 mmol/L; MADB 0.25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; ATP 1.4 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L ( 25 <math>\mu</math>kat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L ( 8.3 <math>\mu</math>kat/L); Peroxidase 0.98 kU/L ( 16.3 <math>\mu</math>kat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L ( 24.6 <math>\mu</math>kat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L ( 24.6 <math>\mu</math>kat/L); Độ lặp lại: CV <math>\leq</math> 1,2%; Độ chụm toàn phần: CV <math>\leq</math> 1,8%; Bước sóng: 660 nm. Phương pháp: Enzymatic. Qui cách đóng gói: 100 ml/Hộp hoặc tương đương</p>	Hộp	0,5	Tháng 11/2024
3	Hoá chất định lượng Cholesterol toàn phần	<p>Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần.  Thành phần: Dung dịch đệm photphat (pH 6,5) 103 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase <math>\geq</math> 0,2 kU/L (3,3 <math>\mu</math>kat/L); Cholesterol oxidase <math>\geq</math> 0,2 kU/L (3,3 <math>\mu</math>kat/L); Peroxidase <math>\geq</math> 10 kU/L (166,7 <math>\mu</math>kat/L); Độ lặp lại: CV <math>\leq</math> 0,8%; Độ chụm toàn phần: CV <math>\leq</math> 0,9%; Bước sóng: 540 nm. Phương pháp: Enzymatic. Qui cách đóng gói: 90 ml/Hộp hoặc tương đương.</p>	Hộp	0,25	Tháng 11/2024
4	Hóa chất định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	<p>Hóa chất định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol).  Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; Peroxidase 4,9 IU/mL; Natri azit 0,1%; Dung dịch đệm của Good (pH 6,8) 25 mmol/L; 4-aminoantipyrine 0,8</p>	Hộp	0,5	Tháng 11/2024

	lipoprotein Cholesterol)	mmol/L; Catalase 743 IU/mL; HDAOS 0,47 mmol/L; Độ lặp lại: $CV \leq 2,35\%$ ; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 2,9\%$ ; Bước sóng: 600 nm. Phương pháp: Enzymatic. Qui cách đóng gói: 144 ml/Hộp hoặc tương đương			
5	Hóa chất định lượng Ure	Hóa chất định lượng Ure. Thành phần: Tris buffer 100 mmol/L; NADH $\geq 0,26$ mmol/L; Tetra-Sodium diphosphate 10 mmol/L; EDTA 2,65 mmol/L; 2-Oxoglutarate $\geq 9,8$ mmol/L; Urease $\geq 17,76$ kU/L; ADP $\geq 2,6$ mmol/L; GLDH $\geq 0,16$ kU/L. Độ lặp lại: $CV \leq 2,3\%$ ; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 3,5\%$ ; Bước sóng: 340nm. Phương pháp: GLDH, Kinetic. Qui cách đóng gói: 200 ml/Hộp hoặc tương đương.	Hộp	0,25	Tháng 11/2024
6	Hóa chất định lượng Creatinin	Hóa chất định lượng Creatinin. Thành phần: Natri hiđroxit 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L; Độ lặp lại: $CV \leq 1,3\%$ ; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 2,5\%$ ; Bước sóng: 520 nm. Phương pháp: Jaffé method. Qui cách đóng gói: 408 ml/Hộp hoặc tương đương.	Hộp	0,25	Tháng 11/2024
7	Hóa chất đo hoạt độ AST (GOT)	Hóa chất đo hoạt độ AST (GOT). Thành phần: Tris buffer, pH 7,65 (37°C) 80mmol/L; L-aspartate 240mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH $\geq 0,9$ kU/L; MDH $\geq 0,6$ kU/L; NADH 0,2mmol/L; Độ lặp lại: $CV \leq 2,1\%$ ; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 3,2\%$ . Bước sóng: 340 nm. Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC. Qui cách đóng gói: Hộp: 200 ml hoặc tương đương.	Hộp	0,25	Tháng 11/2024
8	Hóa chất đo hoạt độ ALT (GPT)	Hóa chất đo hoạt độ ALT (GPT). Thành phần: Tris buffer pH 7.15 (37°C) 100mmol/L; L-Alanine 500mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH 1,8kU/L; NADH 0,2mmol/L; Độ lặp lại: $CV \leq 2,3\%$ ; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 2,8\%$ ; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC. Qui cách đóng gói: 300 ml/Hộp hoặc tương đương.	Hộp	0,25	Tháng 11/2024
9	Mẫu hiệu chuẩn cho xét nghiệm định	Mẫu hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol (xét nghiệm sử dụng phương pháp Enzymatic); Thành phần: Huyết thanh người dạng	Hộp	0,5	Tháng 11/2024

	lượng LDL-Cholesterol	bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người); Chất hiệu chuẩn 1 mức. Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control). Qui cách đóng gói: 2 ml/Hộp hoặc tương đương			
10	Mẫu kiểm soát cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Mẫu kiểm soát cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol (xét nghiệm sử dụng phương pháp Enzymatic); Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người); Chất kiểm chứng 2 mức; Các giá trị có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL và LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control). Qui cách đóng gói: 2 lọ x 5 ml/Bộ hoặc tương đương	Bộ	1	Tháng 11/2024
<b>III</b>	<b>VẬT TƯ TIÊU HAO</b>				
1	Ống nhựa lấy máu chân không chứa EDTA	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET mới 100%, Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông EDTA K2 dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu tím, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định . Quy cách đóng gói: 100 ống/hộp.	Hộp	2	Tháng 11/2024
2	Ống lấy máu chân không chứa chất chống đông Lithium Heparin <sup>N</sup>	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET mới 100%, Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Heparin lithium dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu xanh lá, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định . Quy cách đóng gói: 100 ống/hộp.	Hộp	2	Tháng 11/2024
3	Bơm tiêm 5ml (Cỡ kim 23G x 1")	Hoạt chất: PE; 1 túi - 1 chiếc, cỡ kim 23G x 1". Quy cách đóng gói: 100 chiếc/hộp	Hộp	2	Tháng 11/2024

4	Cồn 70 độ	Thành phần 70% v/v ethanol; có công thức là C <sub>2</sub> H <sub>6</sub> O hoặc C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH. Quy cách: 500 ml/chai.	Chai	1	Tháng 11/2024
5	Găng tay không bột	Phù hợp vs mọi loại da - Không bột talc - Chất liệu cao su tổng hợp không gây dị ứng - Nhám đầu ngón tay - Găng nitrile có màu trắng, Size S Quy cách: 50 đôi/hộp.	Hộp	1	Tháng 11/2024
6	Băng y tế cá nhân 2cm x 6cm	- Băng cá nhân vải thông thoáng, có độ dính cao, co giãn tốt, giúp bảo vệ các vết thương nhỏ, vết trầy xước, rách da, vết kim đâm. - Kích thước 2cm x 6cm Quy cách: 102 chiếc/hộp.	Hộp	2	Tháng 11/2024
7	Bông y tế thấm nước (cắt miếng)	Sản phẩm được sản xuất từ 100% bông xơ tự nhiên, không lẫn tạp chất và không pha poly, kích thước 2 x 2 cm Quy cách: 0.5 kg/gói	Gói	1	Tháng 11/2024
8	Khẩu trang y tế 3 lớp SMS VT	Màu Trắng/ Xanh Kích thước: Dài 17,5 cm x Rộng 9 cm (+/-0,5 cm) (Độ bung 16,5 cm). Cấu tạo khẩu trang gồm: 3 lớp, dây buộc đầu, nẹp mũi nhựa hoặc kim loại. Dây buộc đầu: Vải không dệt, màu trắng. Quy cách: 01 cái/ gói x 50 cái/hộp	Hộp	1	Tháng 11/2024
9	Ống lưu mẫu 1,5 ml	Ống ly tâm, ống lưu mẫu 1,5 ml Chất liệu: Nhựa PP Cân nặng: 0,8 g Kích thước: 10,2 x 40 mm Độ dày: 0,4 mm Màu sắc: Trong suốt Thể tích ống: 1,5 ml Quy cách: 500 ống/túi.	Túi	1	Tháng 11/2024
10	Đầu típ 1000 µl	Thành phần: nhựa polypropylene Sử dụng cho các pipet bán tự động (micropipet), dung tích hút ≤ 1000 µl Quy cách: 500 chiếc/túi.	Túi	2	Tháng 11/2024

11	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử phân tích nước tiểu sử dụng để phát hiện định tính và bán định lượng các chất sau trong nước tiểu: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid. Que thử sử dụng một lần. Quy cách: 100 que/hộp	Hộp	2	Tháng 11/2024
12	Ống lấy mẫu đựng nước tiểu (ống fancol 10ml)	Ống nghiệm nhựa PS 5ml nắp trắng, không nhãn. Độ pH trung tính. Độ nhẵn và trơn láng cao chống sự bám dính mẫu. Quy cách: Bịch/ 200 ống	Bịch	1	Tháng 11/2024